TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2022/DS-PT
Ngày 12/4/2022
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phương

Các Thẩm phán: Ông Phan Báu

Ông Vũ Tùng Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Bà Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 302/2021/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 210/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 của Toà án nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 326/2022/QĐ-PT ngày 11/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 2194/2022/QĐPT-DS ngày 07/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3008/2022/QĐPT-DS ngày 28/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Bạch H**, sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 58/5F TX 6, ấp MH 3, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Võ Quốc V**, sinh năm 1988. (có mặt)

Địa chỉ: 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị LC – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Kiến Minh Thành thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Võ Văn S**, sinh năm 1932.

Địa chỉ: 34/3 ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phan Ngọc Bảo Th**, sinh năm 1995. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 8/9 ấp Thới Tây 1, xã TH, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 003343 ngày 23/3/2020 lập tại Văn phòng Công chứng Lý Thị Như Hòa)

3.2. Bà **Võ Thị Xuân M**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: 81/3R ấp XTĐ 3, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Quốc V, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 001846 ngày 12/4/2022 lập tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Minh Hiền)

Người kháng cáo: ông Võ Xuân V là bị đơn và ông Võ Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời trình bày của đương sự nguyên đơn là bà Lê Thị Bạch H có người đại diện theo ủy quyền là ông Tạ Minh Tr trình bày:

Bà Lê Thị Bạch H và ông Võ Văn Ch sống chung từ cuối năm 1996, sau đó có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01/1999. Trong quá trình chung sống, bà H và ông Ch cùng tạo lập được khối tài sản chung là phần đất diện tích 365,9m^2, thuộc thửa đất số 532, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, trên đất có 01 căn nhà tường gạch, mái tôn bà H và ông Ch đóng góp xây dựng diện tích 122,6m^2, địa chỉ: 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 441861, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01500 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 23/10/2018 cho ông Võ Văn Ch và bà Lê Thị Bạch H.

Khi bà H về ở chung với ông Ch thì nhà cũ của ông Ch xây dựng năm 1993 đã hư hỏng do là nhà cây, vách đất. Bà và ông Ch cùng làm ở Chợ đầu mối nên bà đã cùng ông Ch xây dựng nhà tường gạch còn sử dụng đến hiện nay, các con của ông Ch còn nhỏ nên hầu hết khoản phát sinh trong gia đình là bà chịu trách nhiệm. Năm 2013, ông Ch mắc bệnh nan y nên bà H đã phải vay mượn tiền để chữa bệnh cho ông Ch, bà trực tiếp chăm sóc cho ông Ch đến ngày 04/7/2019, ông Ch chết, khi chết ông Ch không để lại di chúc.

Cha mẹ ruột của ông Ch là ông Võ Văn S và bà Trần Thị B (sinh năm 1933, chết năm 2015). Trước khi kết hôn với bà H, ông Ch có 02 con riêng với vợ cũ là bà Võ Thị Xuân M và ông Võ Quốc V. Bà H và ông Ch không có con chung.

Theo đơn khởi kiện, bà Lê Thị Bạch H yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Võ Văn Ch là phần đất diện tích 365,9m^2, thuộc thửa đất số 532, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, trên đất có 01 căn nhà diện tích 122,6m^2, địa chỉ: 34/3B ấp Chánh 2, xã TX,

huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật. Bà Lê Thị Bạch H yêu cầu được nhận nhà đất và đồng ý thanh toán lại phần giá trị cho các đồng thừa kế.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tạ Minh Tr giữ nguyên yêu cầu của bà H và trình bày: Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận đã xác định chủ sử dụng đất và chủ sở hữu nhà ở là ông Ch và bà H, ông Ch biết rõ việc này và không có bất cứ tranh chấp, khiếu nại gì liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận nêu trên nên có căn cứ để khẳng định ông Ch đã tự nguyện đưa toàn bộ khối tài sản là nhà đất tại địa chỉ số 532, tờ bản đồ số 24, và căn nhà trên đất địa chỉ số 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, TP. Hồ Chí Minh vào trở thành khối tài sản chung của vợ chồng. Do đó, nhà đất tại địa chỉ số 532, tờ bản đồ số 24, và căn nhà trên đất địa chỉ 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, TP. Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Ch và bà H trong thời kỳ hôn nhân.

Chính vì các lẽ trên, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 213; khoản 2 Điều 210 Bộ luật Dân sự 2015 để xác định ông Ch và bà H có quyền ngang nhau trong khối tài sản chung là thửa đất số 532, tờ bản đồ số 24, và căn nhà trên đất địa chỉ 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, TP. Hồ Chí Minh.

Điều 612 Bộ luật dân sự 2015 quy định "*Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác*" để xác định di sản thừa kế mà ông Ch để lại là 1/2 phần quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 365.9 m^2 thuộc đất số 532, tờ bản đồ số 24, và căn nhà trên đất địa chỉ số 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 441861, số vào sổ cấp GCN CH01520 do UBND cấp ngày 23/10/2018.

Quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa hôm nay các bên đều xác định ông Võ Văn Ch chết không để lại di chúc đối với phần di sản nêu trên, do đó căn cứ Điều 609, Điều 650 BLDS 2015 di sản của ông Võ Văn Ch sẽ được phân chia theo pháp luật.

Về hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn Ch: căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015. Tại thời điểm mở thừa kế (ngày 04/7/2019) những người thừa kế của ông Ch được xác định là: vợ ông Ch là bà Lê Thị Bạch H, cha ruột ông Ch là ông Võ Văn S, con ruột ông Ch là ông Võ Quốc V và bà Võ Thị Xuân M.

Căn cứ khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 di sản thừa kế của ông Võ Văn Ch sẽ được chia thành 04 phần bằng nhau. Theo quy định tại khoản 2 Điều 660 BLDS 2015 *những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia*. Hiện nay, căn cứ quy định của luật Đất đai 2013 và Quyết định 60/2017 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về diện tích tối thiểu tách thừa thì không thể thực hiện việc phân chia di sản thừa kế của ông Võ Văn Ch bằng hiện vật cho các đồng thừa kế, do đó di sản thừa kế của ông Ch sẽ được chia bằng giá trị hiện vật.

Theo chứng thư thẩm định giá số 1007/2020/CT-VATC ngày 10/11/2020 do Công ty CP Thẩm định giá và DVTS Toàn Cầu (VATC) phát hành xác định giá trị toàn bộ thửa đất số 532, tờ bản đồ số 24, và căn nhà trên đất địa chỉ số 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, TP. Hồ Chí Minh là 4.943.000.000 đồng. Phần di sản thừa kế của ông Võ Văn Ch có giá trị là ½ x 4.943.000.000 đồng = 2.471.500.000 đồng, giá trị của mỗi kỷ phần sẽ là 2.471.500.000 đồng: 4 = 617.875.000 đồng. Bà Lê Thị Bạch H là đồng sở hữu đối với thửa đất số 532, tờ bản đồ số 24, và căn nhà trên đất địa chỉ số 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, TP. Hồ Chí Minh nên tổng phần tài sản bà H được nhận có giá trị là 3.089.375.000 đồng tương đương với ¾ giá trị tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Bà H đề nghị xác định và công nhận phần tài sản của bà H trong khối tài sản chung với ông Ch.

Bà Lê Thị Bạch H yêu cầu Tòa án phân chia di sản của ông Võ Văn Ch trong khối tài sản chung là phần đất có diện tích 365,9m^2 thuộc thửa đất số 532, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại địa chỉ: xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, trên đất có căn nhà diện tích xây dựng 122,6m^2, địa chỉ 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 441861, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01500 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 23/10/2018 cho ông Võ Văn Ch và bà Lê Thị Bạch H theo quy định pháp luật.

Bà H đề nghị Tòa án giao nhà đất cho bà H được hưởng và đồng ý thanh toán lại giá trị tương ứng với phần mà các đồng thừa kế khác được nhận là ông S, ông V và bà XM mỗi người sẽ được nhận một kỷ phần có giá trị là 617.875.000 đồng. Theo Chứng thư thẩm định giá số: 1007/2020/CT-VATC ngày 10/11/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tài sản Toàn Cầu.

Theo các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là Võ Quốc V trình bày:

Phần nhà đất có diện tích 365,9m^2 thuộc thửa đất số 532, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại địa chỉ: xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, trên đất có căn nhà diện tích xây dựng 122,6m^2, địa chỉ 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do ông bà cố của ông Võ Quốc V là ông Võ Văn Kiệm và bà Bùi Thị Cá tạo lập, sau khi ông Kiệm, bà Cá chết thì để lại cho ông nội của ông V là ông Võ Văn S quản lý, sử dụng. Ông S và các anh em trong gia đình ông Ch đã phân chia nhà đất 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Ch. Đây là tài sản riêng của ông Ch. Năm 1993 ông Ch đã cất nhà, sau đó năm 1997 sửa chữa và xây dựng nhà tường tole. Đến năm 1999 bà H mới kết hôn với ông Ch, do đó xác định cả nhà và đất đều là tài sản riêng của ông Ch, bà H không có công sức đóng góp. Ông sinh năm 1988, thời điểm cha ông cất nhà và xây dựng nhà ông còn nhỏ nên không biết và không có chứng cứ gì cung cấp việc cha ông xây dựng nhà cửa, tuy nhiên ông được biết cha ông có đi làm tại Chợ đầu mối để kiếm tiền xây nhà nên đây là tài sản cha ông xây dựng bằng tiền riêng. Ngoài ra cha ông bị bệnh thì chị em ông

là người nuôi dưỡng, đóng tiền viện phí nên không đồng ý công sức đóng góp của bà H.

Từ những nhận định này ông không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà H. Ông cũng không đồng ý nhận nhà đất chia lại tiền cho bà H vì ông không đồng ý bán nhà muốn giữ nhà đất để thờ cúng.

Theo các bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn S có người đại diện theo ủy quyền là bà Phan Ngọc Bảo Th trình bày:

Bà Lê Thị Bạch H và ông Võ Văn Ch là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01/1999. Trong quá trình chung sống, bà H và ông Ch có tạo lập được khối tài sản chung là phần nhà đất thuộc thửa đất số 532, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại địa chỉ: 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 441861, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01500 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 23/10/2018 cho ông Võ Văn Ch và bà Lê Thị Bạch H. Ngày 04/7/2019, ông Ch chết do bệnh theo Trích lục khai tử số 994/TLKT-BS ngày 09/9/2019.

Nay bà Lê Thị Bạch H yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Ch, ông S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, ngoài ra ông S không có ý kiến gì khác. Bà Thoa có đơn đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp.

Theo các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Xuân M trình bày:

Bà Võ Thị Xuân M thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn ông Võ Quốc V, bà không đồng ý bán nhà, không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà H, không đồng ý nhận nhà đất và không có ý kiến gì khác.

Các bên đương sự không có chứng cứ gì để cung cấp thêm cho Tòa; Quá trình giải quyết vụ án trong quá trình thu thập chứng cứ, quá trình hòa giải, ông V và bà XM không cung cấp chứng cứ, không trình bày yêu cầu, không đồng ý hòa giải và không thống nhất được việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 210/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 của Toà án nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bạch H.

Phân chia di sản thừa kế của ông Võ Văn Ch trong khối tài sản chung là phần đất có diện tích 365,9m^2 thuộc thửa đất số 532, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại địa chỉ: xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, trên đất có căn nhà diện tích xây dựng 122,6m^2, địa chỉ 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 441861, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01500 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 23/10/2018 cho ông Võ Văn Ch và bà Lê Thị Bạch H theo quy định pháp luật:

- Bà Lê Thị Bạch H được nhận phần đất có diện tích 365,9m^2 thuộc thửa đất số 532, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại địa chỉ: xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ

Chí Minh, trên đất có căn nhà diện tích xây dựng 122,6m^2, địa chỉ 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 441861, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01500 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 23/10/2018 cho ông Võ Văn Ch và bà Lê Thị Bạch H.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà H được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc cập nhật biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận ... đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 441861, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01500 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 23/10/2018 cho ông Võ Văn Ch và bà Lê Thị Bạch H theo đúng hiện trạng quản lý, sử dụng và đúng quy định pháp luật.

- Bà Lê Thị Bạch H có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế của ông Võ Văn Ch là ông Võ Văn S, bà Võ Thị Xuân M và ông Võ Quốc V mỗi người số tiền là 617.875.000 đồng. Việc thanh toán tiền được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ông Võ Quốc V và ông Võ Văn S đã nộp đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm với lý do nội dung bản án chưa khách quan, vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, không xét đến nguồn gốc hình thành di sản thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị LC là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Quốc V trình bày:

Bà H có mưu đồ cướp đoạt tài sản của ông Ch, thể hiện qua việc đưa bà Phan Ngọc Bảo Th làm người đại diện theo ủy quyền và toàn quyền quyết định mọi vấn đề trong quá trình giải quyết bản án trong khi ông S không biết bà Thoa và cả người làm chứng là bà Bùi Thị Thanh Bình.

Đất tranh chấp có nguồn gốc là đất gia tộc cho ông Võ Văn Ch, không cho bà Lê Thị Bạch H, có sự xác nhận của công chứng viên Lê Văn Hùng ngày 31/8/2016.

Nguồn gốc nhà: Nhà xây dựng năm 1993, năm 1997 ông Ch xây dựng lại không phép, không bị xử phạt sử dụng ổn định đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Ch, bà H đăng ký kết hôn năm 1999, đến năm 2000 bà H mới chuyển về sống chung, quá trình chung sống không có con chung. Khi kết hôn thì nhà đất đã có sẵn. Hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện bà H có đóng góp tài sản, công sức hay xây dựng thêm. Hồ sơ xin cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không có văn bản nào thể hiện ông Ch đồng ý cho bà Lê Thị Bạch H là đồng sở hữu đối với nhà đất tại địa chỉ nêu trên. Tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không phải do ông Ch tự viết, đơn không có ngày tháng, chữ ký và chữ viết khác hoàn toàn với chữ ký và chữ viết của ông Ch ký và viết trước mặt công chứng Lê Văn Hùng tại Văn bản công chứng số 001599.

Thời điểm 2016-2017, ông Ch bị bệnh ung thư nên ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe, nên mọi việc trong gia đình đều do bà H quán xuyến, chăm lo, sắp đặt nên thủ tục giấy tờ do bà H tự ý sắp xếp là hoàn toàn có cơ sở.

Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án mang tính máy móc, thiếu phân tích, thiếu kiểm tra xem xét nguồn gốc của nhà và đất,vi phạm Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Hiện nay căn nhà bị đơn cùng sống với vợ con nhưng không đưa vợ con ông V vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chia đều di sản thừa kế cho ông Võ Văn S, bà Lê Thị Bạch H, ông Võ Quốc V và bà Võ Thị Xuân M, mỗi người hưởng ¼ giá trị nhà đất. Giao cho gia đình bị đơn được tiếp tục sinh sống tại căn nhà nêu trên để quản lý, tu dưỡng làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên.

Ông Võ Quốc V thống nhất với ý kiến trình bày của luật sư.

Bà Võ Thị Xuân M có người đại diện theo ủy quyền là ông Võ Quốc V thống nhất với ý kiến trình bày của luật sư.

Bà Lê Thị Bạch H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Quốc V, ông Võ Văn S và giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm liên quan đến việc ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu toàn bộ chi phí tố tụng của vụ án. Buộc bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền theo kỉ phần cho các đồng thừa kế thì bà mới có quyền liên hệ cơ quan chức năng cập nhật Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của người kháng cáo là ông Võ Quốc V nộp trong thời hạn luật định nên ông V đã thực hiện thủ tục kháng cáo đúng quy định pháp luật; Đơn kháng cáo và Đơn xin miễn án phí của ông Võ Văn S thuộc trường hợp người cao tuổi nên ông S đã thực hiện thủ tục kháng cáo đúng quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, theo kết quả xác minh của Công an xã TX, huyện HM tại Phiếu yêu cầu xác minh ngày 19/01/2021 thể hiện nội dung *"Hiện tại, tại địa chỉ trên chỉ còn ông Võ Quốc V cư ngụ. Ông V có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh"*. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện HM không đưa vợ và các con ông V vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở. Ngoài ra, vụ án tranh chấp về chia thừa kế, theo xác nhận của ông V tại phiên tòa thì vợ và các con ông không có đóng góp gì liên quan đến giá trị nhà và đất tranh chấp nên việc Tòa án không đưa vợ con ông V tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu kháng cáo của đương sự.

Về nguồn gốc nhà, đất tranh chấp: Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, trình bày của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định:

[2.1.1] Về đất: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc do gia tộc để lại cho ông Võ Văn S và bà Trần Thị B sử dụng từ trước năm 1975. Tháng 9/1993, ông S và bà Bựng cho con là ông Võ Văn Ch để xây dựng nhà và sinh sống trên đất.

Ngày 31/8/2016, ông S cùng các con (gồm ông Ch và các anh chị em của ông Ch) lập Giấy cam kết tại Văn phòng công chứng Đất Việt tái xác nhận việc ông Ch được cha mẹ là ông S, bà Bựng và các anh chị em cho phần nhà đất trên vào tháng 9/1993 và không có tranh chấp với ông Ch.

Do đó, có cơ sở để Tòa án xác định nguồn gốc của đất tranh chấp là từ thời ông bà, ông Ch được cha mẹ cho để sử dụng, sinh sống (các anh chị em cũng đã xác nhận).

[2.1.2] Về nhà: Năm 1993, ông Ch có làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã TX, huyện HM xin phép được xây dựng nhà tạm để ở, nhà tạm xây dựng là nhà cây, vách đất và lợp ngói. Năm 1997, ông Ch đã xây dựng lại không xin phép 01 căn nhà cấp 4, tường gạch mái tole và không bị xử phạt. Hiện trạng các đương sự cùng thống nhất không có gì thay đổi so với hiện trạng thể hiện theo Giấy chứng nhận đã được cấp cho đến nay.

Theo kết quả xác minh tại Phiếu yêu cầu xác minh ngày 19/01/2021, Công an xã TX huyện HM xác định bà H về sống chung với ông Ch từ cuối năm 1996, đến tháng 11/1999 thì bà H nhập hộ khẩu vào địa chỉ số 34/3B, ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục 137).

Trước thời gian chung sống như vợ chồng với bà Lê Thị Bạch H thì ông Ch đã ly hôn với bà Đỗ Thị Phất theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số

89/QĐ-TTLH ngày 25/9/1996 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục 148).

Như vậy, căn nhà hiện tại trên đất tranh chấp được xây dựng sau thời gian sinh sống thực tế như vợ chồng của ông Ch với bà H. Ông S, ông V, bà M không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã đóng góp tài sản, công sức liên quan đến việc xây dựng căn nhà (năm 1997) và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện ý chí của ông Võ Văn Ch trước khi chết xác định tài sản, công sức xây dựng căn nhà (năm 1997) là của riêng ông. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định căn nhà xây dựng không phép (năm 1997) có cấu trúc như hiện tại một tầng, tường gạch mái tôn, diện tích xây dựng 122,6 m^2 là tài sản chung của ông Ch và bà H cùng tạo lập.

Ngoài ra, sau thời gian chung sống thực tế như vợ chồng, ông Ch và bà H đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TX huyện HM chứng nhận ngày 10/7/1999. Năm 2017, ông Ch và bà H cùng đứng tên trong hồ sơ xin đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần nhà đất trên. Thời điểm cấp giấy chứng nhận không có ai tranh chấp. Ngày 23/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện HM đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 441861, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01500 cho ông Võ Văn Ch và bà Lê Thị Bạch H.

Quá trình làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận (năm 2017), ông Ch không có thắc mắc hay khiếu nại gì, bản thân ông Ch đã ký tên vào Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nộp cho Ủy ban nhân dân huyện HM ngày 28/9/2017. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện HM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 441861, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01500 cho ông Võ Văn Ch và bà Lê Thị Bạch H ngày 23/10/2018 thì ông Võ Văn Ch cũng không khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân huyện HM. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V khẳng định lúc còn sống, ông Ch là người giữ giấy chứng nhận nói trên. Như vậy, về ý chí, ông Ch đã đồng ý tự nguyện sáp nhập tài sản riêng của mình vào khối tài sản chung của vợ chồng với bà H, theo quy định tại Điều 46 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong thời kỳ hôn nhân, giữa ông Ch và bà H không có thỏa thuận về chế độ tài sản chung. Khi ông Ch chết cũng không để lại di chúc hoặc có yêu cầu về chia tài sản, định đoạt tài sản riêng của ông Ch. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của ông Ch là ½ giá trị trong khối tài sản chung của ông Ch, bà H là nhà và đất địa chỉ số 34/3B, ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về chia di sản thừa kế:

Căn cứ Trích lục khai tử số 994/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân xã TX, huyện HM cấp ngày 09/9/2019 xác nhận ông Võ Văn Ch chết ngày 04/7/2019. Như vậy, thời điểm mở thừa kế của ông Ch theo quy định pháp luật là ngày 04/7/2019.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự có cơ sở xác định: Ông Võ Văn Ch có cha ruột là ông Võ Văn S, mẹ ruột là bà Trần Thị B (sinh năm 1933, chết năm 2015). Ông Ch có vợ hợp pháp là bà Lê Thị Bạch H, tính đến thời điểm ông Ch chết thì ông Ch, bà H chưa ly hôn và trong thời gian chung sống ông Ch, bà H không có con chung. Ông Ch và bà Đỗ Thị Phất (đã ly hôn năm 1996) có 02 người con là bà Võ Thị Xuân M và ông Võ Quốc V. Ngoài ra, ông Ch không có người con riêng hoặc con nuôi, cha mẹ nuôi hợp pháp nào khác.

Trước khi chết, ông Ch không để lại di chúc nên việc thừa kế thực hiện theo quy định của pháp luật tại các Điều 649, 650, 651 và 652 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ch gồm 04 người là ông Võ Văn S, bà Lê Thị Bạch H, bà Võ Thị Xuân M và ông Võ Quốc V.

Những người thừa kế của ông Võ Văn Ch đều không thuộc trường hợp từ chối nhận di sản và người không được quyền hưởng di sản theo quy định tại Điều 620 và Điều 621 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, ông Võ Văn S, bà Lê Thị Bạch H, bà Võ Thị Xuân M và ông Võ Quốc V, mỗi người được hưởng một suất thừa kế bằng nhau và bằng 1/4 tổng giá trị di sản của ông Ch.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng di sản của ông Ch để lại và kỷ phần của những người thừa kế di sản của ông Ch nên việc chia di sản theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với quy định pháp luật, nghĩa nên giữ nguyên. Cụ thể, ông Võ Văn S, bà Lê Thị Bạch H, bà Võ Thị Xuân M và ông Võ Quốc V được hưởng một suất thừa kế bằng nhau và bằng 1/4 tổng giá trị di sản tương đương số tiền ¼ x 2.471.500.000 đồng = 617.875.000 đồng tại thời điểm tuyên án.

Xét thấy, trong quá trình khởi kiện, bà H có yêu cầu được nhận nhà đất vì bà có quá trình quản lý sử dụng, cùng tạo lập tài sản chung với ông Ch. Thời điểm bà về sống chung cùng ông Ch là từ cuối năm 1996, đồng thời phần tài sản của bà H được nhận là nhiều hơn, bà H không có nhà đất riêng nào khác và bà có nguồn thu nhập ổn định từ việc kinh doanh quán cà phê. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V và bà XM (do ông V đại diện theo ủy quyền) trình bày đề nghị Hội đồng xét xử giao nhà cho ông V quản lý sử dụng nhằm đảm bảo cuộc sống và thờ cúng cha, tổ tiên nhưng ông V chỉ được nhận một phần nhỏ giá trị căn nhà tranh chấp và không chứng minh được nguồn tiền để thanh toán cho bà phần tài sản mà bà H được hưởng nên cần thiết giao toàn bộ nhà đất nêu trên cho bà H quản lý, sử dụng và buộc bà H có trách nhiệm thanh toán phần giá trị di sản bằng tiền cho những người thừa kế của ông Ch và phù hợp theo quy định tại Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên, không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Võ Quốc V và ông Võ Văn S.

Tuy nhiên, tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận nghĩa vụ của bà H phải thanh toán hết số kỷ phần cho các đồng thừa kế mới được liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc cập nhật biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận ... đối với Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chưa phù hợp và gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người đồng thừa kế nên cần thiết phải sửa án liên quan đến nội dung này.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện HM không giải quyết nội dung về chi phí tố tụng của vụ án là chưa đầy đủ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nội dung thiếu sót nêu trên không làm thay đổi bản chất vụ án, tại cấp phúc thẩm có thể khắc phục được nên không cần thiết hủy bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị Bạch H đồng ý tự nguyện chịu chi phí tố tụng trong vụ án là 10.000.000 đồng để tiến hành thẩm định giá tài sản theo Phiếu thu ngày 15/10/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tài sản Toàn Cầu nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn. Tòa án nhân dân huyện HM cần rút kinh nghiệm đối với nội dung này.

[2.4] Xét ý kiến của Luật sư Nguyễn Thị LC là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – ông Võ Quốc V:

Đối với ý kiến về đưa sót người tham gia tố tụng, nguồn gốc đất, nguồn gốc nhà, chia di sản thừa kế và giao người quản lý tài sản đã được Tòa án phân tích nêu trên.

Đối với ý kiến về việc ông Võ Văn S ủy quyền cho bà Phan Ngọc Bảo Th, do bà LC không phải là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S; ông S cũng không có văn bản từ chối ủy quyền với bà Thoa, không ủy quyền cho người khác và không có ý kiến trình bày liên quan đến nội dung này trực tiếp gửi đến Tòa án nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với ý kiến chữ viết, chữ ký của ông Võ Văn Ch tại Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nộp cho Ủy ban nhân dân huyện HM ngày 28/9/2017 và tại Giấy cam kết ngày 31/8/2016 được chứng thực tại Văn phòng đăng ký Đất Việt không phải do một người viết và ký. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng, các đương sự không yêu cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký của ông Ch mặc dù ông V cũng đã xin đọc và phô tô tài liệu trong hồ sơ vụ án vào ngày 22/12/2020. Do đó, ý kiến nêu trên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với ý kiến cho rằng bà H tự đi làm hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại hồ sơ cấp giấy không có văn bản thể hiện ông Ch đồng ý để cho bà Lê Thị Bạch H cùng đồng sở hữu, sử dụng tài sản là nhà và đất tại địa chỉ 34/3B, ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa, bà H trình bày hồ sơ cấp giấy chứng nhận là do ông Ch tự thực hiện; tại các Đơn đề nghị, biên bản xác định ranh, bản vẽ nhà ở, đất ở ngày 25/5/2016 của Công ty TNHH Đầu tư thiết kế xây dựng đo đạc Thành Phát đều có chữ ký của ông Võ Văn Ch. Ông V cho rằng thời điểm xin cấp giấy chứng nhận, ông Ch bị bệnh nan y nặng nên không thể đi lại thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận nhưng ông V không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ.

[2.5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Võ Quốc V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Ông Võ Văn S thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 33, Điều 34, Điều 43, Điều 46 và Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 611, Điều 612, Điều 621, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Quốc V và ông Võ Văn S. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 210/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 của Toà án nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bạch H.

Phân chia di sản thừa kế của ông Võ Văn Ch trong khối tài sản chung là phần đất có diện tích 365,9m^2 thuộc thửa đất số 532, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại địa chỉ: xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, trên đất có căn nhà diện tích xây dựng 122,6m^2, địa chỉ 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 441861, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01500 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 23/10/2018 cho ông Võ Văn Ch và bà Lê Thị Bạch H theo quy định pháp luật:

- Bà Lê Thị Bạch H được nhận phần đất có diện tích 365,9 m^2 thuộc thửa đất số 532, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại địa chỉ: xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, trên đất có căn nhà diện tích xây dựng 122,6 m^2, địa chỉ 34/3B ấp Chánh 2, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 441861, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01500 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 23/10/2018 cho ông Võ Văn Ch và bà Lê Thị Bạch H.

- Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị Bạch H có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế của ông Võ Văn Ch là ông Võ Văn S, bà Võ Thị Xuân M và ông Võ Quốc V mỗi người giá trị ¼ kỷ phần thừa kế, tương đương số tiền là 617.875.000 (sáu trăm mười bảy triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng. Việc thanh toán tiền được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Sau khi bà H thanh toán hết số tiền theo kỷ phần cho các đồng thừa kế, bà H được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc cập nhật biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận ... đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 441861, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01500 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 23/10/2018 cho ông Võ Văn Ch và bà Lê Thị Bạch H theo đúng hiện trạng quản lý, sử dụng và đúng quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[2] Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Bạch H tự nguyện chịu, đã thực hiện xong.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Bạch H và ông Võ Văn S là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Xuân M và ông Võ Quốc V phải chịu 28.715.000 (hai mươi tám triệu bảy trăm mười lăm ngàn) đồng án phí dân sự có giá ngạch.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Võ Quốc V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0075056 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Võ Văn S là người cao tuổi được miễn tiền án phí phúc thẩm.

[5] Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND H.HM;
- Chi cục THADS H.HM;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Nguyễn Thị Ngọc Phương